

Bản án số: 51/2019/HS-ST

Ngày 25-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TK, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Hương Nhu.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TK.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý theo thủ tục rút gọn số 54/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Văn T**, sinh năm 1976 tại TK, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng Phong và bà Phạm Thị Lam; đã ly hôn vợ; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. **Phan Văn T**, sinh năm 1976 tại TK, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P và bà Nguyễn Thị U; vợ là Đặng Thúy H; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1982 tại TK, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn V, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; vợ là Ngô Thị Q; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

4. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1977 tại TK, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết X và bà Đặng Thị L; vợ là Nguyễn Thị Th; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/3/2016 bị phó Chủ tịch UBND huyện TK xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng (H nộp phạt ngày 04/3/2016).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

5. **Phạm Văn L**, sinh năm 1966 tại TK, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị X; vợ là Nguyễn Thị H; có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/3/2016 bị phó Chủ tịch UBND huyện TK xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng (L nộp phạt ngày 04/3/2016).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

6. **Tô Đình Thủy**, sinh năm 1971 tại TK, Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Đình H và bà Nguyễn Thị S; vợ là Nguyễn Thị N; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/9/2019 đến ngày 25/9/2019 (03 ngày), được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối 22/9/2019, trong lúc ngồi uống bia cùng Nguyễn Văn T1, Đỗ Văn T rủ T1 lát về nhà mình (thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương) đánh bạc, sau đó T về nhà trước. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Phan Văn T đến nhà T chơi, T rủ T đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, T đồng ý. T lấy bộ bài tú lơ khơ 52 T có sẵn ở nhà mình làm dụng cụ và cả hai ngồi tại gian phòng khách nhà T để đánh bạc. Khi T và T đánh bạc được khoảng 10 phút thì có Nguyễn Văn T1 đến và cũng tham gia đánh bạc.

Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, lần lượt có Nguyễn Văn H và Phạm Văn L đến, thấy các bị cáo khác đang đánh bạc nên đã tham gia cùng, cuối cùng có Tô Đình T2 đến nhà T chơi và cũng ngồi xuống đánh bạc.

Cụ thể hình thức đánh liêng như sau: mỗi người chơi được chia ba T bài, nếu ba T đó liền nhau thì gọi là liêng; nếu ba T giống nhau, chỉ khác về chất thì gọi là sấp, sấp to nhất, sau đó đến liêng; nếu không có liêng, có sấp thì tính điểm, lá bài 10, J, Q, K tính là 0 điểm, lá bài A là 1 điểm, các lá bài khác thì tính điểm theo số điểm tương ứng trên lá bài, nếu cùng điểm thì tính theo chất, lớn nhất là rô, sau đến cơ, bích, tép. Mỗi ván bài, người chơi phải bỏ ra 10.000 đồng để đặt cược (chống cửa). Trong lúc đang chơi, người chơi có quyền “tố”, tức là tăng số tiền chơi lên, không tố quá 50.000 đồng. Khi có người tố, ai thích tham gia thì đặt thêm tiền tố, nếu ai điểm thấp, không có liêng hoặc không muốn tố thì không đặt thêm tiền. Nếu tố mà không ai đặt tiền, người tố thắng và được số tiền của tất cả người chơi. Nếu có người đặt thêm tiền tố thì sau khi đặt tiền xong, mọi người mở bài ra, nếu nhiều người có sấp thì người nào có sấp to được thu tất cả số tiền người chơi đặt, nếu không ai có sấp thì người nào có liêng to nhất thắng. Nếu không ai có liêng, sấp thì ai có điểm cao hơn hoặc cùng điểm thì có chất cao hơn sẽ thắng. Người thắng tố được cả số tiền đặt cược của những người chơi và số tiền tố.

Các bị cáo đánh bạc đến 22 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện TK phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.140.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ 52 T.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận khi bắt đầu đánh bạc có số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau: Đỗ Văn T có 300.000 đồng, Phan Văn T có 1.6000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 có 680.000 đồng, Nguyễn Văn H có 260.000 đồng, Phạm Văn L có 130.000 đồng và Tô Đình T2 có 350.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo đều xác định tổng số tiền 8.140.000 đồng thu trên chiếu là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 52/QĐ-VKS-HS ngày 15/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện TK đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện TK giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Tòa án tuyên bố các bị cáo phạm tội “đánh bạc”; áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo L; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, L, H; áp dụng khoản 1 và 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, T, T1; áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H, L; áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thủy; xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24

tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo T từ 08 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; xử phạt bị cáo T1 từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao các bị cáo T, T, T1 cho UBND xã M giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; xử phạt bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo L từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ của bị cáo H và L, mỗi bị cáo từ 5 đến 10% thu nhập hàng tháng; xử phạt bị cáo T2 từ 20 triệu đến 30 triệu đồng sung quỹ nhà nước; áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo các bị cáo T, T, T1, H, L từ 10 triệu đến 15 triệu đồng sung quỹ nhà nước; về xử lý vật chứng: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy bộ bài 52 T, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.140.000 đồng; về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L (vì bị cáo là con liệt sỹ).

Các bị cáo đã T khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện TK đối với các bị cáo là đúng và đề nghị Tòa án xem xét xử phạt các bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 22 giờ ngày 22/9/2019, các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Văn T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn L, Nguyễn Văn H và Tô Đình T2 đã cùng nhau đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng tại nhà của Đỗ Văn T ở thôn T, xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.140.000 đồng.

[2] Các bị cáo tham gia đánh bạc đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, muốn có tiền bằng hình thức sát phạt nhau, các bị cáo vẫn cố ý cùng nhau thực hiện. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 8.140.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Như vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương; hơn nữa, tệ nạn cờ bạc nếu không được ngăn chặn kịp thời thì rất có thể gây ra các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo, Tòa án thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ; trong vụ án này, bị cáo Đỗ Văn T là người khởi xướng việc đánh bạc, dùng nhà ở của mình cho các bị cáo cùng đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu nên giữ vai trò đầu vụ; bị cáo Phan Văn T tham gia đánh bạc từ đầu cùng bị cáo T và có số tiền dùng vào việc đánh bạc nhiều nhất (1.600.000 đồng) nên giữ vai trò thứ hai sau bị cáo T; bị cáo Nguyễn Văn T1 vào tham gia đánh bạc sau bị cáo T và T, có số tiền dùng vào việc đánh bạc nhiều thứ hai (680.000 đồng) nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án; các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn L vào tham gia đánh bạc sau và có số tiền dùng vào việc đánh bạc ít hơn ba bị cáo trước (bị cáo H có 260.000 đồng, bị cáo L có 130.000 đồng) nên cùng giữ vai trò thứ tư trong vụ án; bị cáo Tô Đình T2 vào sau cùng và có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 350.000 đồng nên giữ vai trò cuối vụ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Văn T, Nguyễn Văn T1, Tô Đình T2 có nhân thân tốt; các bị cáo Phạm Văn L và Nguyễn Văn H vào ngày 03/3/2016 đều bị Phó Chủ tịch UBND huyện TK quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, các bị cáo đều đã nộp phạt vào ngày 04/3/2016.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã T khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Văn L có bố đẻ là ông Phạm Quang Huân là liệt sỹ chống Mỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra, các bị cáo Đỗ Văn T, Phạm Văn L, Nguyễn Văn H còn có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương nên các bị cáo T, L, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Tòa án thấy các bị cáo có mối quan hệ làng xóm với

nhau, việc phạm tội chỉ là bột phát, nhất thời, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn; các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo T, T, T1, T2 có nhân thân tốt, các bị cáo L và H tuy đã bị xử phạt hành chính nhưng thời gian được coi là chưa bị xử phạt vì phạm hành chính đã lâu, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cho các bị cáo T, T, T1 được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, các bị cáo L, H áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự; bị cáo T2 có vai trò cuối vụ và có nhân thân tốt nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội đều với mục đích tư lợi nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo T2 bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nữa.

[10] Về xử lý vật chứng: Số tiền 8.140.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ là phương tiện phạm tội, hiện không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật; bị cáo L là con liệt sỹ và có đề nghị được miễn án phí hình sự nên Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án này, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Văn T, Nguyễn Văn T1, Phạm Văn L, Nguyễn Văn H và Tô Đình T2 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ

Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Văn T và Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo này thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ tương đương với 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 (mười bảy) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ tương đương với 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện TK, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Khấu trừ của các bị cáo Nguyễn Văn H và Phạm Văn L, mỗi bị cáo 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tô Đình T225.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung quỹ nhà nước. Bị cáo T2phải nộp tiền phạt một lần.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H, và Phạm Văn L, mỗi bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 8.140.000 (tám triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng là tiền các bị cáo đã dùng đánh bạc; tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội (*số tiền tịch thu và các vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/10/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TK và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK*).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Phan Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H và Tô Đình Thủy, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn L.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương, VKSND huyện TK;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THA hình sự, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Sở Tư pháp Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu